

Bản án số: 466/2024/DS-PT
Ngày 29-8-2024
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;
Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2024/QĐ-PT, ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 413/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: khu A, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ tạm trú: số B, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1980; địa chỉ: số E T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023); có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trần Minh T, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ: số C, đường số A, khu Tái Định Cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: số A M, tổ I, khu phố E, phường T, Thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A; đường Đ, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T1; địa chỉ trụ sở: số A, tổ C, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Trần Minh T, sinh năm 1977; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Trần Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Quang L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quang H trình bày:

Ông Nguyễn Quang L và ông Lê Trần Minh T quen biết với nhau từ năm 2019. Đến đầu năm 2022 ông T kêu ông L hùn vốn để cùng nhau mua xe ô tô tải làm ăn chung. Ông L đồng ý và đã chuyển khoản cho ông T tổng số tiền là 350.000.000 đồng và cùng nhau đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, khi mua xe ông T để công ty riêng của ông T đứng tên xe Biển số 50H-168.59 và vay vốn Ngân hàng để kinh doanh. Trong quá trình xe hoạt động từ lúc mua đến nay ông T ông không hoạch toán chi phí và doanh thu chiếc xe dẫn đến không báo số liệu lời lỗ cho ông L như thỏa thuận mà ông T cố tình chiếm đoạt quyền và lợi ích từ hoạt động của chiếc xe nêu trên dẫn đến ông L bị thiệt hại rất nhiều về tiền bạc, ông L có liên hệ ông T nhiều lần để làm rõ thì ông T lẩn tránh không chịu gặp. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 350.000.000 đồng đã chuyển cho ông T và không yêu cầu tính tiền lãi.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Trần Minh T do người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phan Thanh N trình bày:

Vào năm 2022, ông T và ông L có hợp tác hùn vốn mua xe tải kéo sơ mi rơ móc, nhãn hiệu CNHTC với tổng trị giá khoảng 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Do ông T và ông L số tiền hùn vốn chỉ có 700.000.000 đồng không đủ tài chính để mua xe nên cả hai ông đều đồng ý góp phần vốn này vào để Công ty TNHH T1 đứng ra mua xe và ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV C. Giấy tờ liên quan đến sở hữu xe do Công ty TNHH MTV C đứng tên, Công ty TNHH T1 Tỷ chỉ đứng ra ký hợp đồng thuê tài chính chứ không đứng chủ sở hữu xe, sự việc này ông L và ông T đều biết rõ và đồng ý. Khi xe được bàn giao ông L là người trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng khoảng 04 tháng từ khi giao xe, nhưng không hiệu quả, kết quả kinh doanh đều

thua lỗ nên không đủ khả năng trả tiền lãi cho Công ty TNHH MTV C nên Công ty TNHH MTV C đã tịch thu xe vì xe này do Công ty TNHH MTV C đứng tên chủ sở hữu. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông T không đồng ý vì việc hợp tác này ông T cũng chịu thiệt hại nên yêu cầu khởi kiện của ông L kiện đòi lại số tiền hùn vốn hợp tác là bất hợp lý.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 do ông Lê Trần Minh T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH T1 không liên quan đến việc hợp tác làm ăn với ông Nguyễn Quang L. Giấy tờ liên quan đến sở hữu xe thì do Công ty TNHH MTV C đứng tên chủ sở hữu chứ không liên quan đến Công ty TNHH T1. Khi xe được bàn giao ông L là người trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng nhưng không hiệu quả, kết quả kinh doanh đều thua lỗ nên không đủ khả năng trả tiền lãi cho Công ty cho thuê tài chính nên Công ty TNHH MTV C đã tịch thu xe vì xe này do Công ty TNHH MTV C đứng tên chủ sở hữu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn là người sử dụng xe khoảng được 02 tháng từ lúc được giao xe nhưng nguyên đơn cũng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn ông T cùng ngồi lại để nói chuyện, quyết toán lời lỗ như thế nào nhưng không được ông T hợp tác và tránh mặt nên nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng hai bên đã làm ăn thua lỗ, ông L là người trực tiếp sử dụng xe để kinh doanh khoảng 04 tháng từ khi giao xe đến tháng 9/2022, đã sử dụng xe làm phương tiện vận chuyển bán hết một bãi cát giá trị lớn của ông T nhưng cũng không quyết toán đưa tiền cho ông T, việc thanh toán tiền thuê tài xế, xăng dầu trong thời gian đó cũng do ông T trả. Cho đến hiện nay, Công ty TNHH T1 do ông T làm người đại diện theo pháp luật đã thanh toán gần 700.000.000 đồng cả gốc và lãi cho Công ty cho thuê tài chính.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang L đối với bị đơn ông Lê Trần Minh T về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

- Buộc ông Lê Trần Minh T trả cho ông Nguyễn Quang L số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành

chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/5/2024 bị đơn ông **Lê Trần Minh T** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn do ông **Nguyễn Quang H** đại diện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn ông **Lê Trần Minh T** do ông **Phan Thanh N** đại diện đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền xét xử do ông **Lê Trần Minh T** không đăng ký thường trú hay tạm trú tại địa chỉ **số C, đường số A, khu Tái Định Cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương** mà có hộ khẩu thường trú tại **ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang** nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; không đưa **Công ty TNHH MTV C** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không tiến hành thẩm định giá xe để làm căn cứ giải quyết mà chỉ dựa vào số tiền chuyển khoản để buộc ông **T** phải trả lại khoản tiền hùn mua xe trong khi ông **L** là người trực tiếp sử dụng xe để kinh doanh khoảng 04 tháng từ khi giao xe đến tháng 9/2022 mới giao lại cho bị đơn sử dụng và bị đơn chỉ mới sử dụng xe được khoảng 08 tháng thì bị **Công ty TNHH MTV C** thu xe về nên bị đơn chịu thiệt hại do ông **T** đã thanh toán gần 700.000.000 đồng cả gốc và lãi cho Công ty cho thuê tài chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn tranh chấp số tiền hùn mua xe ô tô tải kéo rơ móc mang biển số 50H-168.59 và xe này hiện đang do **Công ty TNHH MTV C** đứng tên nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa **Công ty TNHH MTV C** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; không tiến hành thẩm định giá chiếc xe để xác định giá trị khấu hao, không tiến hành đối chất làm rõ thời gian các bên quản lý, sử dụng, khai thác xe cũng như thỏa thuận về việc thanh toán tiền lãi cho **Công ty TNHH MTV C** để bù trừ nghĩa vụ là điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 Tỷ ông Lê Trần Minh T đại diện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Quang L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 350.000.000 đồng mà L đã chuyển cho ông T hùn mua xe để cùng làm ăn chung, lời lãi chia đôi. Do ông T ông không hoạch toán chi phí và doanh thu chiếc xe dẫn đến không báo số liệu lời, lỗ cho ông L như thỏa thuận nên ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 350.000.000 đồng. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo quy định tại Điều 504 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” là chưa phù hợp.

[2.2] Nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn ông Lê Trần Minh T tại số C, đường số A, khu Tái Định Cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Trần Minh T do ông Phan Thanh N đại diện xác định ông Lê Trần Minh T không đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa chỉ trên mà có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh ông Lê Trần Minh T có đăng ký thường trú hay tạm trú địa chỉ số C, đường số A, khu Tái Định Cư Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để xác định vụ việc có thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự hay không là điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.3] Nguyên đơn ông L trình bày, đầu năm 2022 ông T có rủ ông L hùn vốn để cùng nhau mua xe ô tô tải làm ăn chung. Ông L đồng ý và đã chuyển khoản cho ông T tổng số tiền là 350.000.000 đồng để mua xe và thỏa thuận cùng nhau đứng tên chủ sở hữu xe. Tuy nhiên, khi mua xe thì ông T để công ty riêng của ông T đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe Biển số xe 50H-168.59 và vay vốn của Công ty TNHH MTV C để kinh doanh. Trong quá trình xe hoạt động từ lúc mua đến nay, ông T ông không hoạch toán chi phí và doanh thu

chiếc xe dẫn đến không báo số liệu lời, lỗ cho ông L như thỏa thuận nên ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 350.000.000 đồng mà L đã chuyển cho ông T để hùn mua xe và không yêu cầu tính tiền lãi. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông T không đồng ý vì ông T xác định sau khi mua xe thì ông L là người trực tiếp sử dụng xe trước để kinh doanh khoảng 04 tháng từ khi mua xe đến tháng 9/2022 mới giao lại cho bị đơn sử dụng và bị đơn chỉ mới sử dụng xe được khoảng 08 tháng thì bị Công ty TNHH MTV C thu xe về nên bị đơn chịu thiệt hại do bị đơn đã thanh toán gần 700.000.000 đồng cả gốc và lãi cho Công ty cho thuê tài chính.

[2.4] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất: Khoảng năm 2022, ông L và ông T có thỏa thuận với nhau bằng miệng hợp tác góp tiền mua xe đầu kéo nhãn hiệu CNHTC để làm ăn chung, tổng trị giá khoảng 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) khi thực hiện thỏa thuận này, ông L đã chuyển khoản cho ông T tổng số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), mỗi bên góp 50% tức tổng số tiền góp là 700.000.000 đồng, lời lãi chia đôi. Do ông T và ông L hùn được có 700.000.000 đồng không đủ tài chính mua xe nên cả hai ông đều đồng ý góp phần vốn này vào để Công ty TNHH T1 đứng ra mua xe và ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV C. Giấy tờ liên quan đến sở hữu xe do Công ty TNHH MTV C đứng tên, Công ty TNHH T1 Tỷ chỉ đứng ra ký hợp đồng thuê tài chính chứ không đứng chủ sở hữu xe. Như vậy, Công ty TNHH MTV C đứng tên sở hữu xe ô tô đầu kéo biển số 50H-186.59, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH MTV C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV C, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Dân sự.

[2.5] Theo Văn bản cung cấp thông tin số 49/CV-PC.24 ngày 18/3/2024 của Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) thì hiện nay Công ty cho thuê tài chính và Công ty TNHH T1 đang thực hiện 07 Hợp đồng cho thuê tài chính, trong đó có Hợp đồng cho thuê tài chính số 19.0522/HĐCTTC-TT ngày 31/5/2022, tài sản cho thuê tài chính là xe ô tô đầu kéo biển số 50H-186.59. Khi xe được bàn giao ông L là người trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng khoảng 04 tháng từ khi giao xe, nhưng không hiệu quả, kết quả kinh doanh đều thua lỗ và bị đơn chỉ mới sử dụng xe được khoảng 08 tháng thì không đủ khả năng trả tiền lãi cho Công ty TNHH MTV C nên Công ty TNHH MTV C đã tịch thu xe. Trong việc hợp tác hùn vốn mua xe thì ông L là người khai thác sử dụng xe trước nhưng không hiệu quả nhưng không báo cáo tài chính lời lỗ và cũng không nộp tiền lãi hàng tháng phải nộp cho Công ty C, trong khi đó hàng tháng

ông **T** phải nộp tiền gốc, lãi hàng tháng cho Công ty cho thuê tài chính. Như vậy, chiếc xe mà nguyên đơn và bị đơn hùn mua là tài sản bị tiêu hao nhưng Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định giá xe, không tính giá trị khấu hao để làm căn cứ giải quyết mà chỉ dựa vào số tiền chuyển khoản để buộc ông **T** phải trả cho nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 504 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Lê Trần Minh T**.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bị đơn ông **Lê Trần Minh T** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002549 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyên